TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ THỦ DẦU MỘT** **TỈNH BÌNH DƯƠNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **172**/2024/HS-ST
Ngày: 26-8-2024

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ THỦ DẦU MỘT, TỈNH BÌNH DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Thế Vọng.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Huỳnh Thị Thuỳ Dương;

Ông Trương Ngọc Điệp.

- Thư ký phiên tòa: Bà Trương Thị Kiều Diễm - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thủ Dầu Một *tham gia phiên tòa*: Ông Lê Minh Điền - Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 8 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương, Toà án nhân dân thành phố Thủ Dầu Một xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 174/2024/TLST-HS ngày 31 tháng 7 năm 2024, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 179/2024/QĐXXST-HS ngày 12 tháng 8 năm 2024, đối với bị cáo:

Họ và tên: **Trần Bảo N**, sinh năm 1992, tại tỉnh Bình Dương; nơi đăng ký thường trú và chỗ ở: Số F, Tổ D, Khu phố D, phường T, thành phố T, tỉnh Bình Dương; nghề nghiệp: Tài xế; trình độ học vấn: 10/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Trần Anh T và bà Nguyễn Thị Thúy P; có vợ: Nguyễn Ngọc N1 và có 02 người con, lớn sinh năm 2022, nhỏ sinh năm 2023; tiền án: Ngày 24/10/2019, bị Toà án nhân dân thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương xử phạt 03 năm tù về tội Cố ý gây thương tích, theo Bản án hình sự sơ thẩm số 205/2019/HS-ST. Ngày 06/5/2021, được tha tù trước thời hạn có điều kiện, thời gian thử thách 10 tháng 04 ngày. Ngày 10/3/2022, chấp hành xong án phạt tù. Bị cáo bị tạm giữ ngày 03/01/2024, sau đó chuyển qua tạm giam, đến ngày 26/4/2024, được thay thế biện pháp ngăn chặn tạm giam bằng biện pháp cho gia đình bảo lĩnh, có mặt.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án*:

+ Bà Võ Thị Cẩm L, sinh năm 1976; cư trú tại: Số F, đường L, khu phố D, phường T, thành phố T, tỉnh Bình Dương, vắng mặt.

+ Chị Võ Thị Mỹ T1, sinh năm 1996; cư trú tại: Số D, đường Đ, tổ E, khu phố C, phường T, thành phố T, tỉnh Bình Dương, vắng mặt.

+ Chị Phạm Thị Hồng N2, sinh năm 1997; cư trú tại: Tổ I, ấp P, xã P, thành phố B, tỉnh Bình Dương, vắng mặt.

+ Chị Cao Thị Mỹ P1, sinh năm 1991; đăng ký thường trú: Khu phố B, phường M, thành phố B, tỉnh Bình Dương; chỗ ở: Số F, Lê Văn T2, Khu phố C, phường T, thành phố T, tỉnh Bình Dương, vắng mặt.

+ Bà Võ Thị Thu H, sinh năm 1971; cư trú tại: Nhà không số, đường H, Khu phố D, phường T, thành phố T, tỉnh Bình Dương, vắng mặt.

+ Anh Nguyễn Hữu C, sinh năm 1995; cư trú tại: Số A, đường N, khu phố H, phường H, thành phố T, tỉnh Bình Dương, vắng mặt.

+ Chị Nguyễn Ngọc N1, sinh năm 1997; cư trú tại: Số F, tổ D, khu phố D, phường T, thành phố T, tỉnh Bình Dương, có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Qua các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và quá trình xét hỏi tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Ngày 26/12/2023, bà Võ Thị Cẩm L, sinh năm 1976, đăng ký thường trú tại Số F, đường L, Khu phố D, phường T, thành phố T, tỉnh Bình Dương đến Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố T, tỉnh Bình Dương để gửi đơn tố giác về tội phạm đối với Trần Bảo N về hành vi cho bà L vay tiền với lãi suất vượt mức quy định của Bộ luật Dân sự. Quá trình thụ lý, xác minh đơn tố giác của bà L, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố T yêu cầu Trần Bảo N đến trụ sở làm việc thì N thừa nhận hành vi cho bà L vay tiền với mức lãi suất 02%/ngày, tương đương 60%/tháng và 720%/năm. Ngoài ra, N còn cho nhiều người khác vay tiền với mức lãi suất như trên. Ngày 03/01/2024, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố T đã thực hiện Lệnh giữ người trong trường hợp khẩn cấp đối với Trần Bảo N về hành vi Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự và thu giữ được vật chứng là 01 (một) điện thoại di động hiệu Iphone X, 256GB, màu trắng, có số thuê bao 0913.644.822.

Quá trình xác minh và điều tra đã xác định rõ hành vi phạm tội của Trần Bảo N như sau: Trần Bảo N làm nghề tài xế chạy xe dịch vụ và buôn bán phụ tùng xe mô tô trên địa bàn thành phố T, tỉnh Bình Dương. Khoảng cuối năm 2022, do tình hình kinh doanh không thuận lợi nên N nảy sinh ý định cho những người dân trên địa bàn phường T, thành phố T, tỉnh Bình Dương vay tiền với mức lãi suất từ 01% đến 02%/ngày, tương đương 60%/tháng và 720%/năm (tức là gấp 18 lần đến 36,5 lần mức quy định của Bộ luật Dân sự), với hình thức vay đứng (nghĩa là trả tiền lãi không trừ vào tiền gốc đã vay) để thu lợi bất chính. Việc thanh toán tiền lãi các khoản vay được chuyển vào số tài khoản 8686999993939 tại ngân hàng Q (M) tên Trần Bảo N và nhận tiền mặt. Từ tháng 08/2022 đến tháng 01/2024, N đã cho nhiều người vay tiền trên địa bàn thành phố T, tỉnh Bình Dương, cụ thể như sau:

1. Người vay tiền bà Võ Thị Cẩm L đã vay tiền với lãi suất cao của Trần Bảo N 08 (tám) lần, cụ thể như sau:

Lần thứ 1: Ngày 07/4/2023, Trần Bảo N cho bà L vay số tiền 25.000.000 đồng, hình thức vay tiền đứng với mức lãi 02%/ngày nên mỗi ngày bà L phải trả tiền lãi là 500.000 đồng. Lần vay này, bà L đã trả cho N được tổng số tiền là 3.300.000 đồng (tính đến ngày 17/4/2023) và đã trả tiền gốc là 10.000.000 đồng, chưa trả tiền gốc là 15.000.000 đồng. Đối với số tiền lãi mà bà L đã trả cho N, số tiền lãi trong mức quy định của Bộ luật Dân sự là 150.685 đồng, số tiền lãi vượt mức quy định của Bộ luật Dân sự là 3.149.315 đồng. Sau khi bà L đã trả số tiền 10.000.000 đồng vào ngày

17/4/2023 cho N nên số tiền gốc bà L vay lần này còn lại là 15.000.000 đồng với mức lãi 02%/ngày nên mỗi ngày bà L trả tiền lãi là 300.000 đồng. Lần vay này, bà L đã trả cho N số tiền lãi là 8.600.000 đồng (tính từ ngày 17/4/2023 đến ngày 12/5/2023) và chưa trả tiền gốc 15.000.000 đồng cho N. Đối với số tiền lãi mà bà L đã trả cho N, số tiền lãi trong mức quy định của Bộ luật Dân sự là 273.973 đồng, số tiền lãi vượt mức quy định của Bộ luật Dân sự là 8.326.027 đồng.

Lần thứ 2: Ngày 13/5/2023, bà L tiếp tục vay thêm của N số tiền 5.000.000 đồng nên tổng tiền gốc bà L vay của N là 20.000.000 đồng với mức lãi suất 02%/ngày thì mỗi ngày bà L phải trả tiền lãi là 400.000 đồng. Lần vay này, bà L đã trả cho N số tiền lãi là 7.600.000 đồng (tính đến ngày 17/5/2023) và chưa trả tiền gốc là 20.000.000 đồng cho N. Đối với số tiền lãi mà bà L đã trả cho N, số tiền lãi trong mức quy định của Bộ luật Dân sự là 54.795 đồng, số tiền lãi vượt mức quy định của Bộ luật Dân sự là 7.545.205 đồng.

Lần thứ 3: Ngày 18/5/2023, bà L tiếp tục vay thêm của N số tiền 5.000.000 đồng nên tổng tiền gốc bà L vay của N là 25.000.000 đồng, với mức lãi suất 02%/ngày nên mỗi ngày bà L phải trả tiền lãi là 500.000 đồng. Lần vay này, bà L đã trả cho N số tiền lãi là 4.900.000 đồng (tính đến ngày 04/6/2023) và chưa trả tiền gốc là 25.000.000 đồng cho N. Đối với số tiền lãi mà bà L đã trả cho N, số tiền lãi trong mức quy định của Bộ luật Dân sự là 246.575 đồng, số tiền lãi vượt mức quy định của Bộ luật Dân sự là 4.653.425 đồng.

Lần thứ 4: Ngày 05/6/2023, bà L tiếp tục vay thêm của N số tiền 20.000.000 đồng nên tổng số tiền gốc bà L vay của N là 45.000.000 đồng, với mức lãi suất 02%/ngày nên mỗi ngày bà L phải trả tiền lãi là 900.000 đồng. Lần vay này, tính đến ngày 06/6/2023 thì bà L chưa trả tiền lãi và chưa trả tiền gốc là 45.000.000 đồng cho N. Sau đó, ngày 06/6/2023, bà L tiếp tục vay thêm của N số tiền 5.000.000 đồng nên tổng số tiền gốc bà L vay của N là 50.000.000 đồng, với mức lãi suất 02%/ngày nên mỗi ngày bà L phải trả tiền lãi là 1.000.000 đồng. Lần vay này, bà L đã trả tiền lãi là 11.600.000 đồng (tính đến ngày 19/6/2023) và đã trả tiền gốc là 50.000.000 đồng cho N. Đối với số tiền lãi mà bà L đã trả cho N, số tiền lãi trong mức quy định của Bộ luật Dân sự là 383.562 đồng, số tiền lãi vượt mức quy định của Bộ luật Dân sự là 11.216.438 đồng.

Lần thứ 5: Ngày 24/6/2023, bà L vay của N số tiền 20.000.000 đồng, hình thức vay đứng, với lãi suất 02%/ngày nên mỗi ngày bà L phải trả tiền lãi là 400.000 đồng. Lần vay này, bà L đã trả tiền lãi là 1.400.000 đồng (tính đến ngày 02/7/2023) và chưa trả tiền gốc là 20.000.000 đồng cho N. Đối với số tiền lãi mà bà L đã trả cho N, số tiền lãi trong mức quy định của Bộ luật Dân sự là 98.631 đồng, số tiền lãi vượt mức quy định của Bộ luật Dân sự là 1.301.369 đồng.

Lần thứ 6: Ngày 03/7/2023, bà L vay thêm của N số tiền 15.000.000 đồng nên tổng số tiền gốc bà L đã vay của N là 35.000.000 đồng, với lãi suất 02%/ngày nên mỗi ngày bà L phải trả tiền lãi là 700.000 đồng. Lần vay này, bà L đã trả tiền lãi là 13.000.000 đồng (tính đến ngày 27/7/2023) và chưa trả tiền gốc là 35.000.000 đồng cho N. Đối với số tiền lãi mà bà L đã trả cho N, số tiền lãi trong mức quy định của Bộ luật Dân sự là 479.452 đồng, số tiền lãi vượt mức quy định của Bộ luật Dân sự là 12.520.548 đồng.

Lần thứ 7: Ngày 28/7/2023, bà L vay thêm của N số tiền là 15.000.000 đồng nên tổng số tiền gốc bà L đã vay của N là 50.000.000 đồng, với lãi suất 02%/ngày nên mỗi

ngày bà L phải trả tiền lãi là 1.000.000 đồng. Lần vay này, bà L đã trả tổng tiền lãi là 64.600.000 đồng (tính đến ngày 13/10/2023) và chưa trả tiền gốc là 50.000.000 đồng cho N. Đối với số tiền lãi mà bà L đã trả cho N, số tiền lãi trong mức quy định của Bộ luật Dân sự là 2.136.986 đồng, số tiền lãi vượt mức quy định của Bộ luật Dân sự là 62.363.014 đồng.

Lần thứ 8: Ngày 14/10/2023, bà L tiếp tục vay thêm của N số tiền 13.000.000 đồng nên tổng số tiền gốc bà L đã vay của N là 63.000.000 đồng, với lãi suất 02%/ngày nên mỗi ngày bà L phải trả tiền lãi là 1.260.000 đồng. Lần vay này, bà L đã trả tổng tiền lãi là 36.740.000 đồng (tính đến ngày 16/11/2023) và chưa trả tiền gốc là 63.000.000 đồng cho N. Đối với số tiền lãi mà bà L đã trả cho N, số tiền lãi trong mức quy định của Bộ luật Dân sự là 1.173.699 đồng, số tiền lãi vượt mức quy định của Bộ luật Dân sự là 35.566.301 đồng.

* Như vậy, tổng số tiền gốc mà Trần Bảo N cho bà Võ Thị Cẩm L vay là 123.000.000 đồng, bà L đã trả cho N tổng số tiền gốc là 60.000.000 đồng, còn nợ N số tiền gốc là 63.000.000 đồng. Tổng số tiền lãi mà bà L đã trả cho N là 151.740.000 đồng. Trong đó, số tiền lãi thu trong mức quy định của Bộ luật Dân sự là 4.998.358 đồng, số tiền lãi thu vượt mức quy định của Bộ luật Dân sự là 146.641.642 đồng.

2. Người vay tiền Võ Thị Mỹ T1, sinh năm 1996, đăng ký thường trú tại Số D, đường Đ, Tổ E, Khu phố C, phường T, thành phố T, tỉnh Bình Dương đã vay tiền với lãi suất cao của Trần Bảo N 01 (một) lần, cụ thể như sau:

Ngày 01/8/2022, chị T1 đã vay của N số tiền là 30.000.000 đồng, hình thức vay đứng, trả tiền lãi theo ngày với lãi suất 01%/ngày. Lúc cho vay, N và chị T1 thỏa thuận một tháng có 30 ngày nên một tháng chị T1 phải trả tiền lãi cho N trong 03 lần, mỗi lần trả số tiền 3.000.000 đồng, tổng cộng một tháng trả số tiền là 9.000.000 đồng. Lần vay này, chị T1 đã trả tiền lãi cho N tổng số tiền là 99.500.000 đồng (tính đến ngày 31/05/2023). Trong đó, số tiền lãi trong mức quy định của Bộ luật Dân sự là 4.997.260 đồng, số tiền lãi vượt mức quy định của Bộ luật Dân sự là 94.502.740 đồng. Sau ngày 31/05/2023, thì chị T1 không có khả năng đóng tiền lãi nên N yêu cầu chị T1 trả tiền gốc thì chị T1 đã trả cho N được số tiền là 4.000.000 đồng, còn nợ lại N số tiền gốc là 26.000.000 đồng.

3. Người vay tiền Phạm Thị Hồng N2, sinh năm 1997, đăng ký thường trú tại Tổ I, ấp P, xã P, thành phố B, tỉnh Bình Dương đã vay tiền với lãi suất cao của Trần Bảo N 04 (bốn) lần, cụ thể như sau:

Lần thứ 1: Ngày 16/10/2023, chị N2 vay của N số tiền là 30.000.000 đồng, hình thức vay đứng, với lãi suất 02%/ngày nên mỗi ngày chị N2 phải trả tiền lãi là 600.000 đồng. Lần vay này, chị N2 đã trả tiền lãi cho N là 8.800.000 đồng (tính đến ngày 30/10/2023) và đã trả tiền gốc là 30.000.000 đồng. Đối với số tiền lãi mà chị N2 đã trả cho N, số tiền lãi trong mức quy định của Bộ luật Dân sự là 246.575 đồng, số tiền lãi vượt mức quy định của Bộ luật Dân sự là 8.553.426 đồng.

Lần thứ 2: Ngày 16/11/2023, chị N2 vay của N số tiền là 15.000.000 đồng, hình thức vay đứng, với lãi suất 02%/ngày nên mỗi ngày chị N2 phải trả tiền lãi là 300.000 đồng. Lần vay này, chị N2 đã trả tiền lãi cho N là 600.000 đồng (tính đến ngày 17/11/2023) và chưa trả tiền gốc là 15.000.000 đồng. Đối với số tiền lãi mà chị N2 đã trả cho N, số tiền lãi trong mức quy định của Bộ luật Dân sự là 16.438 đồng, số tiền lãi vượt mức quy định của Bộ luật Dân sự là 583.526 đồng.

Lần thứ 3: Ngày 17/11/2023, chị N2 tiếp tục vay thêm của N số tiền 15.000.000 đồng nên tổng số tiền gốc vay của N là 30.000.000 đồng, hình thức vay đứng, với lãi suất 02%/ngày nên mỗi ngày chị N2 phải trả tiền lãi là 600.000 đồng. Lần vay này, chị N2 đã trả tiền lãi cho N là 4.300.000 đồng (tính đến ngày 25/11/2023) và chưa trả tiền gốc là 30.000.000 đồng. Đối với số tiền lãi mà chị N2 đã trả cho N, số tiền lãi trong mức quy định của Bộ luật Dân sự là 131.507 đồng, số tiền lãi vượt mức quy định của Bộ luật Dân sự là 4.168.493 đồng. Đến ngày 26/11/2023, chị N2 trả cho N số tiền gốc của lần vay thứ 3 là 20.000.000 đồng nên số tiền gốc lần vay thứ 3 còn lại là 10.000.000 đồng, hình thức vay đứng, với lãi suất 02%/ngày nên mỗi ngày chị N2 phải trả tiền lãi là 200.000 đồng. Ngày 26/11/2023, chị N2 đã trả tiền lãi cho N là 200.000 đồng và chưa trả tiền gốc là 10.000.000 đồng. Đối với số tiền lãi mà chị N2 đã trả cho N, số tiền lãi trong mức quy định của Bộ luật Dân sự là 5.479 đồng, số tiền lãi vượt mức quy định của Bộ luật Dân sự là 194.512 đồng.

Lần thứ 4: Ngày 27/11/2023, chị N2 tiếp tục vay thêm của N số tiền là 20.000.000 đồng nên tổng số tiền gốc vay của N là 30.000.000 đồng, hình thức vay đứng, với lãi suất 02%/ngày nên mỗi ngày chị N2 phải trả tiền lãi là 600.000 đồng. Lần vay này, chị N2 đã trả tiền lãi cho N là 21.400.000 đồng (tính đến ngày 01/01/2024) chưa trả tiền gốc là 30.000.000 đồng. Đối với số tiền lãi mà chị N2 đã trả cho N, số tiền lãi trong mức quy định của Bộ luật Dân sự là 641.096 đồng, số tiền lãi vượt mức quy định của Bộ luật Dân sự là 20.758.904 đồng.

* Như vậy, tổng số tiền gốc mà Trần Bảo N cho chị Phạm Thị Hồng N2 vay là 80.000.000 đồng, chị N2 đã trả cho N tổng số tiền gốc là 50.000.000 đồng, còn nợ N số tiền gốc là 30.000.000 đồng. Tổng số tiền lãi mà chị N2 đã trả cho N là 35.300.000 đồng. Trong đó, số tiền lãi thu trong mức quy định của Bộ luật Dân sự là 1.041.095 đồng, số tiền lãi thu vượt mức quy định của Bộ luật Dân sự là 34.258.861 đồng.

4. Người vay tiền Cao Thị Mỹ P1, sinh năm 1991, đăng ký thường trú tại Khu phố B, phường M, thành phố B, tỉnh Bình Dương đã vay tiền với lãi suất cao của Trần Bảo N 02 (hai) lần, cụ thể như sau:

Lần thứ 1: Ngày 10/10/2023, chị P1 vay của N số tiền là 5.000.000 đồng, hình thức vay đứng, với lãi suất 02%/ngày nên mỗi ngày chị P1 phải trả tiền lãi là 100.000 đồng. Lúc cho vay, N và chị P1 thỏa thuận 05 ngày trả tiền lãi 01 lần. Lần vay này, chị P1 đã trả tiền lãi cho N là 500.000 đồng (tính đến ngày 22/10/2023) và chưa trả tiền gốc là 5.000.000 đồng cho N. Đối với số tiền lãi mà chị P1 đã trả cho N, số tiền lãi trong mức quy định của Bộ luật Dân sự là 35.616 đồng, số tiền lãi vượt mức quy định của Bộ luật Dân sự là 464.384 đồng.

Lần thứ 2: Ngày 23/10/2023, chị P1 tiếp tục vay thêm của N số tiền là 3.000.000 đồng nên tổng số tiền gốc vay của N là 8.000.000 đồng, hình thức vay đứng, với lãi suất 02%/ngày nên mỗi ngày chị P1 phải trả tiền lãi là 160.000 đồng. Lúc cho vay, N và chị P1 thỏa thuận 05 ngày trả tiền lãi 01 lần. Lần vay này, chị P1 đã trả tiền lãi cho N là 11.200.000 đồng (tính đến ngày 30/12/2023) và chưa trả tiền gốc là 8.000.000 đồng. Đối với số tiền lãi mà chị P1 đã trả cho N, số tiền lãi trong mức quy định của Bộ luật Dân sự là 302.466 đồng, số tiền lãi vượt mức quy định của Bộ luật Dân sự là 10.897.534 đồng.

* Như vậy, tổng số tiền gốc mà Trần Bảo N cho chị Cao Thị Mỹ P1 vay là 8.000.000 đồng. Chị P1 còn nợ N số tiền gốc là 8.000.000 đồng. Tổng số tiền lãi mà chị P1 đã trả cho N là 11.700.000 đồng. Trong đó, số tiền lãi thu trong mức quy định

của Bộ luật Dân sự là 338.082 đồng, số tiền lãi thu vượt mức quy định của Bộ luật Dân sự là 11.361.918 đồng.

5. Người vay tiền Võ Thị Thu H, sinh năm 1971, đăng ký thường trú tại Khu phố D, phường T, thành phố T, tỉnh Bình Dương đã vay tiền với lãi suất cao của Trần Bảo N 01 (một) lần, cụ thể như sau:

Khoảng tháng 10/2022, bà H vay của N số tiền là 10.000.000 đồng, hình thức vay đứng, với lãi suất 02%/ngày nên mỗi ngày bà H phải trả tiền lãi là 200.000 đồng. Lúc cho vay, do bà H không chuyển tiền lãi qua tài khoản ngân hàng nên N và bà H thỏa thuận là N sẽ trực tiếp đến nhà bà H thu tiền lãi. Lần vay này, do bà H không có tiền trả lãi nên bà H không trả tiền lãi theo kỳ hạn mà có lúc trả lãi, có lúc không trả lãi. Trong 02 tháng đầu, N đã thu tiền lãi của bà H được 10.000.000 đồng, sau đó bà H không có khả năng trả tiền lãi nên N yêu cầu bà H trả tiền gốc là 10.000.000 đồng nhưng bà H chưa trả tiền cho N. Đối với số tiền lãi mà bà H đã trả cho N, số tiền lãi trong mức quy định của Bộ luật Dân sự là 328.768 đồng, số tiền lãi vượt mức quy định của Bộ luật Dân sự là 9.617.232 đồng.

6. Người vay tiền Nguyễn Hữu C, sinh năm 1995, đăng ký thường trú tại Số A, đường N, Khu phố H, phường H, thành phố T, tỉnh Bình Dương đã vay tiền với lãi suất cao của Trần Bảo N 01 (một) lần, cụ thể như sau:

Ngày 01/5/2023, anh C vay của N số tiền là 8.000.000 đồng, hình thức vay đứng, với lãi suất 02%/ngày nên mỗi ngày anh C phải trả tiền lãi là 160.000 đồng. Lúc cho vay, do anh C không có số tài khoản nên anh C và N thỏa thuận là anh C sẽ nhờ bạn chuyển khoản tiền lãi qua tài khoản của N. Lần vay này, anh C đã trả tiền lãi cho N tổng số tiền là 10.550.000 đồng (tính đến ngày 21/12/2023) và anh C chưa trả tiền gốc là 8.000.000 đồng cho N. Đối với số tiền lãi mà anh C đã trả cho N, số tiền lãi trong mức quy định của Bộ luật Dân sự là 802.192 đồng, số tiền lãi vượt mức quy định của Bộ luật Dân sự là 9.519.863 đồng.

Ngoài ra, Trần Bảo N còn cho anh Bùi Tấn T3, sinh năm 1985, đăng ký thường trú tại Số C, Tổ D, Khu phố D, phường T, thành phố T, tỉnh Bình Dương; anh Nguyễn Xuân Đ, sinh năm 1988, đăng ký thường trú tại Khu phố C, phường T, thành phố T, tỉnh Bình Dương và chị Đỗ Trọng Mỹ N3, sinh năm 1996, đăng ký thường trú tại Tổ C, Khu phố E, phường T, thành phố T, tỉnh Bình Dương vay tiền với lãi suất cao. Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố T đã tiến hành xác minh nhưng hiện tại anh T3, anh Đ và chị N3 không sinh sống tại địa phương, đi đâu làm gì không rõ nên không có căn cứ để xác định số tiền N cho vay, hình thức vay tiền và số tiền lãi N đã thu. Đối với bà Nguyễn Thị L1, sinh năm 1963, đăng ký thường trú tại Số D, đường H, Khu phố D, phường T, thành phố T, tỉnh Bình Dương vay của N số tiền là 5.000.000 đồng từ khoảng tháng 10/2023 đến nhưng do bà L1 và N là bà con họ hàng với nhau nên N không lấy tiền lãi của bà L1.

* Như vậy, tổng số tiền gốc mà Trần Bảo N cho bà Võ Thị Cẩm L, chị Võ Thị Mỹ T1, chị Phạm Thị Hồng N2, chị Cao Thị Mỹ P1, bà Võ Thị Thu H và anh Nguyễn Hữu C vay tiền là 259.000.000 đồng. Tổng số tiền gốc mà bà L, chị T1, chị N2 đã trả cho N là 114.000.000 đồng. Bà L còn nợ N số tiền gốc là 63.000.000 đồng, chị T1 còn nợ N số tiền gốc là 26.000.000 đồng, chị N2 còn nợ N số tiền gốc là 30.000.000 đồng, chị P1 còn nợ N số tiền gốc là 8.000.000 đồng, bà H còn nợ N số tiền gốc là 10.000.000 đồng, anh C còn nợ N số tiền gốc là 8.000.000 đồng. Tổng số tiền gốc những người vay còn nợ là 145.000.000 đồng. Tổng số tiền lãi mà bà L, chị T1, chị

N2, chị P1, bà H, anh C đã trả cho N là 318.790.000 đồng. Trong đó, số tiền lãi thu trong mức quy định của Bộ luật Dân sự là 12.505.755 đồng, số tiền lãi thu vượt mức quy định của Bộ luật Dân sự là 305.092.256 đồng.

Quá trình điều tra, chị Nguyễn Ngọc N1, sinh năm 1997, đăng ký thường trú tại Số F, Tổ D, Khu phố D, phường T, thành phố T, tỉnh Bình Dương là vợ của Trần Bảo N đã thay mặt N giao nộp cho Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Thủ Dầu Một số tiền 60.000.000 (sáu mươi triệu) đồng là tiền thu lợi bất chính của N nhằm khắc phục hậu quả. Đối với số tiền trên, Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thủ Dầu Một ra Quyết định chuyển số tiền nêu trên đến Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Thủ Dầu Một để đề nghị Tòa án nhân dân thành phố Thủ Dầu Một quyết định xử lý số tiền nêu trên theo quy định.

Đối với 01 (một) điện thoại di động hiệu Iphone X 256GB, màu trắng, có số thuê bao 0913.644.822, quá trình điều tra xác định: Điện thoại di động trên do Trần Bảo N sử dụng làm phương tiện thực hiện hành vi phạm tội Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự nên Viện kiểm sát nhân dân thành phố T ra Quyết định chuyển điện thoại nêu trên đến Chi cục Thi hành án dân sự thành phố T để đề nghị Tòa án nhân dân thành phố Thủ Dầu Một quyết định tịch thu sung vào ngân sách Nhà nước.

Cáo trạng số 170/CT-VKSTDM ngày 26 tháng 7 năm 2024 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương truy tố bị cáo Trần Bảo N về tội "Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự" theo khoản 2 Điều 201 của Bộ luật Hình sự 2015 (được sửa đổi, bổ sung 2017).

Tại phiên tòa,

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố T trong phần tranh luận giữ nguyên quyết định truy tố đối với bị cáo, đồng thời đề nghị Hội đồng xét xử:

Về trách nhiệm hình sự: Tuyên bố bị cáo Trần Bảo N phạm tội "Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự".

Về hình phạt: Áp dụng khoản 2 Điều 201; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g, h khoản 1 Điều 52 và Điều 38 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (được sửa đổi, bổ sung năm 2017), xử phạt bị cáo Trần Bảo N mức phạt từ 06 (sáu) tháng đến 09 (chín) tháng tù.

Về trách nhiệm dân sự: Đối với tổng số tiền lãi bị cáo Trần Bảo N đã thu của bà Võ Thị Cẩm L, chị Võ Thị Mỹ T1, chị Phạm Thị Hồng N2, chị Cao Thị Mỹ P1, bà Võ Thị Thu H và anh Nguyễn Hữu C vượt quá số tiền lãi theo quy định của pháp luật là 305.092.256 đồng; nhưng bà Võ Thị Cẩm L, chị Võ Thị Mỹ T1, chị Phạm Thị Hồng N2, chị Cao Thị Mỹ P1, bà Võ Thị Thu H và anh Nguyễn Hữu C không yêu cầu bị cáo trả lại số tiền này nên không đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giải quyết.

Về biện pháp tư pháp, đề nghị Hội đồng xét xử:

+ Buộc bị cáo nộp lại số tiền bị cáo dùng để cho vay mà bà L, chị T1, chị N2, chị P1, bà H và anh C đã trả cho bị cáo là 114.000.000 đồng và số tiền bị cáo đã thu lãi của bà L, chị T1, chị N2, chị P1, bà H và anh C theo quy định của pháp luật là 12.505.755 đồng để sung vào ngân sách Nhà nước.

+ Buộc bà L nộp lại số tiền 63.000.000 đồng; chị T1 nộp lại số tiền là 26.000.000 đồng; chị N2 nộp lại số tiền là 30.000.000 đồng; chị P1 nộp lại số tiền là 8.000.000

đồng, bà H nộp lại số tiền là 10.000.000 đồng và anh C nộp lại số tiền là 8.000.000 đồng để sung vào ngân sách Nhà nước.

+ Tạm giữ số tiền 60.000.000 đồng mà chị Nguyễn Ngọc N1 đã nộp để khắc phục hậu quả cho bị cáo để đảm bảo cho việc thi hành án.

+ Tịch thu, sung vào Ngân sách Nhà nước 01 điện thoại di động hiệu Iphone X, 256 Gb, màu trắng của bị cáo Trần Bảo N.

- Tại phiên tòa, bị cáo không có ý kiến tranh luận với đại diện Viện kiểm sát về tội danh, khung hình phạt và mức hình phạt đã đề nghị. Trong nói lời sau cùng, bị cáo xin giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân, Kiểm sát viên trong quá trình khởi tố, điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, không ai có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, quyết định, hành vi tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về sự vắng mặt của người tham gia tố tụng: Tại phiên toà, vắng mặt người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án gồm bà Võ Thị Cẩm L, chị Võ Thị Mỹ T1, chị Phạm Thị Hồng N2, chị Cao Thị Mỹ P1, bà Võ Thị Thu H và anh Nguyễn Hữu C; nhưng bà L, chị T1, chị N2, chị P1, bà H và anh C đã có lời khai trình bày ý kiến của mình nên việc vắng mặt của họ không làm ảnh hưởng đến việc giải quyết vụ án. Do đó, căn cứ vào Điều 292 của Bộ luật Tố tụng hình sự, Hội đồng xét xử quyết định tiếp tục xét xử vụ án vắng mặt bà L, chị T1, chị N2, chị P1, bà H và anh C.

[3] Tại phiên tòa, bị cáo đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội. Lời khai của bị cáo tại phiên toà phù hợp với lời khai của bị cáo tại cơ quan điều tra, biên bản hỏi cung bị can, biên bản lấy lời khai những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án, cùng những tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án, đủ cơ sở kết luận:

Trong khoảng thời gian từ tháng 08/2022 đến tháng 01/2024, trên địa bàn thành phố T, tỉnh Bình Dương, bị cáo Trần Bảo N đã nhiều lần cho bà Võ Thị Cẩm L, chị Võ Thị Mỹ T1, chị Phạm Thị Hồng N2, chị Cao Thị Mỹ P1, bà Võ Thị Thu H và anh Nguyễn Hữu C vay tiền với mức lãi suất từ 01% đến 02%/ngày, tương đương 60%/tháng và 720%/năm (tức là gấp 18 lần đến 36,5 lần mức quy định của Bộ luật Dân sự), dưới hình thức vay đứng (nghĩa là trả tiền lãi không trừ vào tiền gốc đã vay) để thu lợi bất chính, cụ thể:

1. Bị cáo Trần Bảo N đã 08 (tám) lần cho bà Võ Thị Cẩm L vay với tổng số tiền là 123.000.000 đồng, bà L đã trả cho bị cáo tổng số tiền gốc là 60.000.000 đồng, còn nợ số tiền gốc là 63.000.000 đồng. Tổng số tiền lãi mà bà L đã trả cho bị cáo là 151.740.000 đồng; trong đó, số tiền lãi thu trong mức quy định của Bộ luật Dân sự là 4.998.358 đồng, số tiền lãi thu vượt mức quy định của Bộ luật Dân sự là 146.641.642 đồng.

2. Bị cáo Trần Bảo N đã 01 (một) lần cho chị Võ Thị Mỹ T1 vay với số tiền là 30.000.000 đồng, chị T1 đã trả cho bị cáo số tiền gốc là 4.000.000 đồng, còn nợ số tiền gốc là 26.000.000 đồng. Tổng số tiền lãi mà chị T1 đã trả cho bị cáo là 99.500.000 đồng; trong đó, số tiền lãi thu trong mức quy định của Bộ luật Dân sự là 4.997.260 đồng, số tiền lãi thu vượt mức quy định của Bộ luật Dân sự là 94.502.740 đồng.

3. Bị cáo Trần Bảo N đã 04 (bốn) lần cho chị Phạm Thị Hồng N2 vay với tổng số tiền là 80.000.000 đồng, chị N2 đã trả cho bị cáo tổng số tiền gốc là 50.000.000 đồng, còn nợ số tiền gốc là 30.000.000 đồng. Tổng số tiền lãi mà chị N2 đã trả cho bị cáo N là 35.300.000 đồng; trong đó, số tiền lãi thu trong mức quy định của Bộ luật Dân sự là 1.041.095 đồng, số tiền lãi thu vượt mức quy định của Bộ luật Dân sự là 34.258.861 đồng.

4. Bị cáo Trần Bảo N đã 02 (hai) lần cho chị Cao Thị Mỹ P1 vay với tổng số tiền là 8.000.000 đồng, chị P1 chưa trả tiền gốc cho bị cáo, còn nợ số tiền gốc là 8.000.000 đồng. Tổng số tiền lãi mà chị P1 đã trả cho bị cáo là 11.700.000 đồng; trong đó, số tiền lãi thu trong mức quy định của Bộ luật Dân sự là 338.082 đồng, số tiền lãi thu vượt mức quy định của Bộ luật Dân sự là 11.361.918 đồng.

5. Bị cáo Trần Bảo N đã 01 (một) lần cho bà Võ Thị Thu H vay với số tiền là 10.000.000 đồng, bà H chưa trả tiền gốc cho bị cáo, còn nợ số tiền gốc là 10.000.000 đồng. Tổng số tiền lãi mà bà H đã trả cho bị cáo là 10.000.000 đồng; trong đó, số tiền lãi thu trong mức quy định của Bộ luật Dân sự là 328.768 đồng, số tiền lãi thu vượt mức quy định của Bộ luật Dân sự là 9.617.232 đồng.

6. Bị cáo Trần Bảo N đã 01 (một) lần cho anh Nguyễn Hữu C vay với số tiền là 8.000.000 đồng, anh C chưa trả tiền gốc cho bị cáo, còn nợ số tiền gốc là 8.000.000 đồng; tổng số tiền lãi mà anh C đã trả cho bị cáo là 10.550.000 đồng; trong đó, số tiền lãi thu trong mức quy định của Bộ luật Dân sự là 802.192 đồng, số tiền lãi thu vượt mức quy định của Bộ luật Dân sự là 9.519.863 đồng.

* Như vậy, bị cáo Trần Bảo N cho bà L, chị T1, chị N2, chị P1, bà H và anh C vay với tổng số tiền gốc là 259.000.000 (hai trăm năm mươi chín triệu) đồng. Trong đó, tổng số tiền gốc mà người vay đã trả cho bị cáo N là 114.000.000 đồng; tổng số tiền gốc những người vay còn nợ là 145.000.000 đồng. Tổng số tiền lãi mà bà L, chị T1, chị N2, chị P1, bà H và anh C đã trả cho bị cáo là 318.790.000 đồng; trong đó, số tiền lãi thu trong mức quy định của Bộ luật Dân sự là 12.505.755 đồng, số tiền lãi thu vượt mức quy định của Bộ luật Dân sự là 305.092.256 đồng.

Do đó, hành vi mà bị cáo Trần Bảo N thực hiện đã đủ yếu tố cấu thành tội "Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự" được quy định tại khoản 2 Điều 201 của Bộ luật Hình sự 2015 (được sửa đổi, bổ sung 2017). Bị cáo đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự. Do vậy, Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thủ Dầu Một truy tố bị cáo theo tội danh và điều khoản như trên là có căn cứ, đúng người, đúng tội.

[4] Hành vi mà bị cáo thực hiện đã xâm phạm đến hoạt động quản lý của Nhà nước trong lĩnh vực tài chính, ảnh hưởng trật tự, trị an của xã hội. Bị cáo nhận thức được hành vi của mình là vi phạm pháp luật nhưng vì hám lợi mà bị cáo đã lợi dụng hoàn cảnh, nhu cầu về kinh tế của những người đi vay, thực hiện hành vi phạm tội. Do đó, để có tác dụng giáo dục đối với bị cáo cũng như đấu tranh phòng chống tội phạm chung trong xã hội, cần có mức hình phạt tương xứng với tính chất, mức độ của hành vi phạm tội mà bị cáo đã thực hiện.

[5] Tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo Trần Bảo N thực hiện hoạt động cho vay lãi nặng nhiều lần đối với nhiều người vay nên đây là tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự "Phạm tội 02 lần trở lên" theo quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 của Bộ luật Hình sự 2015 (được sửa đổi, bổ sung 2017). Ngoài ra, ngày 24/10/2019, bị cáo bị Toà án nhân dân thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương xử phạt 03 năm tù về tội Cố ý gây thương tích, ngày 10/3/2022 bị cáo mới chấp hành xong án phạt tù, nhưng bị cáo tiếp tục phạm tội khi chưa được xoá án tích nên đây là tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự "Tái phạm" quy định tại điểm h khoản 1 Điều 52 của Bộ luật Hình sự 2015 (được sửa đổi, bổ sung 2017).

[6] Tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Trong quá trình điều tra cũng như tại phiên toà, bị cáo có thái độ thành khẩn khai báo, tỏ ra ăn năn hối cải; đã tác động gia đình giao nộp tiền thu lợi bất chính nhằm khắc phục hậu quả; có hoàn cảnh gia đình khó khăn, là trụ cột lao động chính trong gia đình nên đây là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (được sửa đổi, bổ sung năm 2017).

[7] Căn cứ vào nhân thân của bị cáo, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được áp dụng đối với bị cáo, xét mức hình phạt mà đại diện Viện kiểm sát đề nghị là phù hợp nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[8] Về trách nhiệm dân sự: Đối với tổng số tiền lãi bị cáo N đã thu của bà L, chị T1, chị N2, chị P1, bà H và anh C vượt quá số tiền lãi theo quy định của pháp luật là 305.092.256 đồng. Theo quy định tại Nghị quyết số 01/2021/NQ-HĐTP ngày 20 tháng 12 năm 2021 của Hội đồng Thẩm phán Toà án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng Điều 201 của Bộ luật Hình sự và việc xét xử vụ án hình sự về tội cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự thì bị cáo phải có trách nhiệm trả lại số tiền này cho bà L, chị T1, chị N2, chị P1, bà H và anh C, tuy nhiên bà L, chị T1, chị N2, chị P1, bà H và anh C không yêu cầu bị cáo trả lại số tiền này và đây là quyền của những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án nên không xem xét giải quyết.

[9] Về biện pháp tư pháp: Căn cứ Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự và Điều 47 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (được sửa đổi, bổ sung năm 2017) và Nghị quyết số 01/2021/NQ-HĐTP ngày 20 tháng 12 năm 2021 của Hội đồng Thẩm phán Toà án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng Điều 201 của Bộ luật Hình sự và việc xét xử vụ án hình sự về tội cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự:

- Buộc bị cáo nộp lại số tiền bị cáo dùng để cho vay mà bà L, chị T1, chị N2, chị P1, bà H và anh C đã trả cho bị cáo là 114.000.000 đồng và số tiền bị cáo đã thu lãi của bà L, chị T1, chị N2, chị P1, bà H và anh C theo quy định của pháp luật là 12.505.755 đồng để sung vào ngân sách Nhà nước.

- Buộc bà L nộp lại số tiền 63.000.000 đồng; chị T1 nộp lại số tiền là 26.000.000 đồng; chị N2 nộp lại số tiền là 30.000.000 đồng; chị P1 nộp lại số tiền là 8.000.000 đồng; bà H nộp lại số tiền là 10.000.000 đồng và anh C nộp lại số tiền là 8.000.000 đồng để sung vào ngân sách Nhà nước.

- Đối với 01 điện thoại di động hiệu Iphone X, 256 Gb, màu trắng, đây là phương tiện bị cáo sử dụng để thực hiện hành vi phạm tội nên tịch thu, sung vào ngân sách Nhà nước.

[10] Án phí sơ thẩm: Bị cáo phải chịu theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào các Điều 106, 136, 260, 292, 331 và 333 của Bộ luật Tố tụng hình sự;

- Căn cứ khoản 2 Điều 201; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g, h khoản 1 Điều 52 và Điều 38 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (được sửa đổi, bổ sung năm 2017);

- Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

1. Về trách nhiệm hình sự: Tuyên bố bị cáo Trần Bảo N phạm tội "Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự".

2. Về hình phạt: Xử phạt bị cáo Trần Bảo N 06 (sáu) tháng tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù được tính từ ngày bắt bị cáo để thi hành án (được trừ đi thời gian tạm giữ, tạm giam trước đó từ ngày 03/01/2024 đến ngày 26/4/2024).

3. Về trách nhiệm dân sự và biện pháp tư pháp:

3.1. Buộc bị cáo nộp lại số tiền bị cáo dùng để cho vay mà bà Võ Thị Cẩm L, chị Võ Thị Mỹ T1, chị Phạm Thị Hồng N2, chị Cao Thị Mỹ P1, bà Võ Thị Thu H và anh Nguyễn Hữu C đã trả cho bị cáo là 114.000.000 (một trăm mười bốn triệu) đồng và số tiền bị cáo đã thu lãi của bà Võ Thị Cẩm L, chị Võ Thị Mỹ T1, chị Phạm Thị Hồng N2, chị Cao Thị Mỹ P1, bà Võ Thị Thu H và anh Nguyễn Hữu C theo quy định của pháp luật là 12.505.755 (mười hai triệu, năm trăm lẻ lăm nghìn, bảy trăm năm mươi lăm) đồng để sung vào ngân sách Nhà nước.

3.2. Buộc bà Võ Thị Cẩm L nộp lại số tiền 63.000.000 (sáu mươi ba triệu) đồng; chị Võ Thị Mỹ T1 nộp lại số tiền là 26.000.000 (hai mươi sáu triệu) đồng; chị Phạm Thị Hồng N2 nộp lại số tiền là 30.000.000 (ba mươi triệu) đồng; chị Cao Thị Mỹ P1 nộp lại số tiền là 8.000.000 (tám triệu) đồng, bà Võ Thị Thu H nộp lại số tiền là 10.000.000 (mười triệu) đồng và anh Nguyễn Hữu C nộp lại số tiền là 8.000.000 (tám triệu) đồng để sung vào ngân sách Nhà nước.

3.3. Tịch thu, sung vào ngân sách Nhà nước: 01 điện thoại di động hiệu Iphone X, 256 Gb, màu trắng, số Imei: 353053095330090, số S: F2LVXA5UJCL7.

(*Theo Biên bản về việc giao nhận vật chứng, tài sản số 164.24 ngày 19 tháng 8 năm 2024 giữa Cơ quan Cảnh sát điều tra - Công an thành phố T và Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Thủ Dầu Một*)

Tiếp tục tạm giữ số tiền 60.000.000 (sáu mươi triệu) đồng mà chị Nguyễn Ngọc N1 đã nộp để đảm bảo cho việc thi hành án.

(Thể hiện tại Uỷ nhiệm chi chuyển khoản vào Tài khoản của Chi cục Thi hành án dân sự ngày 20/8/2024).

4. Về án phí hình sự sơ thẩm: Buộc bị cáo Trần Bảo N phải nộp 200.000 (hai trăm nghìn) đồng.

5. Bị cáo và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án có mặt tại phiên toà được quyền kháng cáo Bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án được quyền kháng cáo Bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được Bản án hoặc ngày Bản án được niêm yết công khai theo quy định.

***Nơi nhận*:**
- TAND tỉnh Bình Dương;
- VKSND tỉnh Bình Dương;
- Công an tỉnh Bình Dương (PV06);
- Sở tư pháp tỉnh Bình Dương;
- VKSND thành phố Thủ Dầu Một;
- Công an thành phố Thủ Dầu Một;
- Chi cục THADS thành phố Thủ Dầu Một;
- Người tham gia tố tụng;
- Lưu: HS, Tòa.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thế Vọng